

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-ST
Ngày : 17 – 10 – 2018
“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2018/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần H, trụ sở: Số 28 Mạc Đĩnh Chi, phường ĐK, Quận C, thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng Nhật M, sinh năm 1992. Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 01 năm 2018, văn bản ủy quyền lại ngày 09 tháng 01 năm 2018 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Liêu Tấn V, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp ML, xã MP, huyện X, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông V: Ông Lương TH, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp VL, thị trấn G, huyện X, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 4 năm 2017(Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Huệ S, sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: Tổ 31, ấp ML, xã MP, huyện X, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Phát L, sinh năm 1958, địa chỉ cư trú: Ấp KĐ, xã KH, huyện X, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: Ấp KĐ, xã KH, huyện X, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, địa chỉ trụ sở: Số 442, đường MK, phường Y, quận F, Thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần K: Ông La Minh T, sinh năm 1959, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP K. Theo văn bản quyền ngày 15 tháng 7 năm 2017. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09 tháng 5 năm 2017, nguyên đơn Công ty cổ phần H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Công ty Cổ phần H - Do ông Quách Thành Đ là Tổng Giám đốc đại diện trình bày: Ngày 01/10/2013, Công ty Cổ phần H và hộ kinh doanh cá thể Liêu Tấn V đại diện là ông Liêu Tấn V (gọi tắt là Đại lý Liêu Tấn V) ký kết hợp đồng mua bán nông dược số 1AGG000044-2014, mặt hàng là thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hạt giống, vật tư nông nghiệp. Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần H đã nhiều lần giao hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật cho Đại lý Liêu Tấn V; Đại lý Liêu Tấn V cũng đã thanh toán tiền một số đơn hàng cho Công ty cổ phần H. Từ ngày 30/6/2015 cho đến nay, Công ty cổ phần H đã bốn lần giao hàng cho Đại lý Liêu Tấn V với tổng giá trị tiền hàng 5.496.938.933 đồng, nhưng Đại lý Liêu Tấn V chỉ thanh toán được số tiền 1.513.561.911 đồng. Như vậy, Đại lý Liêu Tấn V còn nợ số tiền hàng là 3.983.377.022 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng đến nay Đại lý Liêu Tấn V vẫn không thanh toán, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp Công ty cổ phần H.

Công ty cổ phần H yêu cầu Tòa án buộc chủ hộ kinh doanh cá thể Liêu Tấn V đại diện là ông Liêu Tấn V cùng bà Nguyễn Thị Huệ S phải trả cho Công ty cổ phần H các khoản tiền như sau:

+ Nợ gốc là: 3.983.377.022 đồng (Ba tỷ chín trăm tám mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm hai mươi hai đồng).

+ Tiền lãi do chậm thanh toán là: 652.517.890 đồng (Sáu trăm năm mươi hai triệu năm trăm mười bảy nghìn tám trăm chín mươi đồng).

- Bị đơn Liêu Tấn V trình bày ý kiến tại biên bản hòa giải, đối chất, phiên họp: Thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 3.983.377.022 đồng, xin giảm lãi. Đối với số hàng còn gửi lại kho, hiện công ty đã bán dùm và thống nhất trị giá là 50.354.088đ được trừ vào nợ gốc cho ông V. Đề nghị nguyên đơn xem xét lại các Quyết định phong tỏa tài sản đối với căn nhà theo giấy số CH05485 để cho ông Nguyễn Phát L và bà Lê Thị H1 mua lại tài sản này và số tiền mà ông L, bà H1 bỏ ra mua lại tài sản tôi sẽ trả cho nguyên đơn. Đối với các tài sản khác bị phong tỏa thì tôi không có ý kiến và giải quyết theo quy định pháp luật, quyền sử dụng đất số CH03315 bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tôi đã thế chấp cho Ngân hàng ACB phòng giao dịch tại CĐ. Đối với phần nghĩa vụ của vợ chồng, việc kinh doanh của tôi theo hình thức hộ kinh doanh cá thể và mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu gia đình, phát triển kinh tế gia đình mặc dù tôi là người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần K, do ông La Minh T là đại diện theo ủy quyền trình bày tại biên bản hòa giải: Ngân hàng không đồng ý với Quyết định áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với tài sản mà vợ chồng V đã thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần K, đề nghị công ty Nông dược H xem xét lại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi vụ án đưa ra xét xử. Vì tài sản đã thực hiện giao dịch bảo đảm tại Ngân hàng thương mại cổ phần K nên quyền lợi của Ngân hàng sẽ được bảo đảm đúng theo quy định pháp luật. Ngân hàng thương mại K sẽ không thực hiện quyền yêu cầu độc lập trong

vụ án này và đã khởi kiện đối với Liêu Tấn V bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phát L trình bày tại biên bản hòa giải:* Vợ chồng ông L có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 373251, số vào sổ CH05485 của vợ chồng V nhưng bị công ty H áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản nên ông L đề nghị công ty H xem xét lại. Vợ chồng chúng tôi không yêu cầu độc lập trong vụ án này, chúng tôi sẽ khởi kiện vợ chồng V bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huệ S, bà H1: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là Công ty cổ phần H do ông Minh đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Liêu Tấn V cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huệ S phải cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc hiện còn là 3.852.648.607 đồng (số tiền gốc này đã trừ số hàng hóa gửi tại kho mà được công ty bán dùm một số hàng hóa, trừ tiền mà bị đơn đã thanh toán, tổng cộng là 130.728.415đ); tiền lãi chậm trả chỉ tính từ ngày 13/01/2017 đến ngày 17/10/2018 trên nợ gốc là 3.852.648.607 đồng, mức lãi suất là 0,035%/ngày; tiếp tục tính lãi kể từ ngày 18/10/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc với mức lãi suất 0.035%/ngày. Đối với áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các tài sản của Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị Huệ S, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên và giải quyết theo quy định pháp luật. Rút lại một phần yêu cầu đối với nợ gốc là 130.728.415đ.

- Bị đơn Liêu Tấn V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Huệ S, Nguyễn Phát L, Nguyễn Thị H1: Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần K do ông La Minh T đại diện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với Quyền sử dụng đất số: CH03315, tờ bản đồ số 04, thửa 1034 diện tích 9946,0m² đất trồng lúa, tọa lạc tại xã O, huyện X, tỉnh An Giang, do ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên. Vì diện tích đất này đã thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần K để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với Liêu Tấn V, Nguyễn Thị Huệ S, việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật đất đai. Hiện nay, Ngân hàng thương mại cổ phần K đã khởi kiện Liêu Tấn V bằng vụ kiện khác nên xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn Công ty Cổ phần H đã nộp tạm ứng án phí, tham gia tố tụng và nhận các văn bản tố tụng, có mặt đúng thời gian theo giấy triệu tập của Tòa án là đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Bị đơn ông Liêu Tấn V – Là chủ hộ kinh doanh cá thể Liêu Tấn V đã được Tòa án triệu tập lệ tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, có mặt đúng thời gian theo giấy triệu tập của Tòa án là đúng quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huệ S, ông Nguyễn Phát Lập, bà Lê Thị H1, Ngân hàng TMCP K đã được Tòa án triệu tập lệ tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, có mặt đúng thời gian theo giấy triệu tập của Tòa án là đúng quy định tại Điều 70; Điều 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Công ty cổ phần H và Đại lý Liêu Tấn V có ký kết hợp đồng mua bán nông dược số 1AGG000044-2014. Phía bị đơn ông V thừa nhận còn nợ Công ty cổ phần H số tiền: Nợ gốc là 3.983.377.022 đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng là 1.513.561.911 đồng, xin giảm lãi. Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn xin rút một phần khởi kiện chỉ yêu cầu phí bị đơn trả số tiền 3.852.468.000 đồng và lãi xuất từ ngày 13/10/2018 đến ngày 17/10/2018, với lãi xuất 0,035%/ngày, do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án này nên không đặt ra xem xét. Đối với việc bà S cho rằng số nợ trên của ông Liêu Tấn V không liên quan đến bà là không có căn cứ vì tuy là hộ kinh doanh cá thể nhưng mục đích là phục vụ nhu cầu cho gia đình căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà S cũng có nghĩa vụ liên đới với ông V trả số nợ trên, đối với yêu cầu xin giảm lãi của ông V phía nguyên đơn không đồng ý nên không xem xét.

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần H yêu cầu ông V, bà S cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 3.852.648.000đ, tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng là 865.690.142đ; ông V thừa nhận còn nợ Công ty cổ phần H, thể hiện thông qua hợp đồng mua bán nông dược số 1AGG000044-2014 và được các bên thừa nhận. Vì vậy đối với yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng, lãi trả chậm cho đến ngày xét xử là có căn cứ.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05485, tờ bản đồ số 19, thửa 46 diện tích 12,0m², nhà ở là 33,0m², diện tích sàn 66,0m² tọa lạc tại xã Mỹ Phú và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH02860, tờ bản đồ số 13, thửa 189 diện tích 48,4m², nhà ở là 47,1m², diện tích sàn 141,3m² tọa lạc tại xã Mỹ Phú tiếp tục có hiệu lực pháp luật cho đến khi có quyết định khác hủy bỏ hoặc thay thế; Đề nghị hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Quyền sử dụng đất trồng lúa số CH03315, tờ bản đồ số 04, thửa 1034 diện tích 9446,0m² tọa lạc tại xã O toàn bộ 03 quyền sử dụng đất trên do ông V và bà S đứng tên đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh An Giang; Trả lại số tiền tiết kiệm mà nguyên đơn gửi tại Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo. Về án phí: Ông V, bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

- Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X.

[1.2] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện X tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về thủ tục ủy quyền: Nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Đăng Nhật M theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 01 năm 2018, văn bản ủy quyền lại ngày 09 tháng 01 năm 2018; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần K ủy quyền cho ông La Minh T theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 7 năm 2017; bị đơn V ủy quyền cho ông Lương TH theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 4 năm 2017, là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu nợ gốc là 130.728.415đ. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu đã rút.

[1.5] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Việc mua bán hàng hóa được xác lập giữa hai chủ thể có đăng ký kinh doanh, nên Hội đồng xét xử xác định là loại án kinh doanh thương mại, áp dụng quy định của Luật thương mại và văn bản pháp luật có liên quan giải quyết vụ án.

[1.6] Về người tham gia tố tụng: Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với quyền sử dụng đất số CH03315 đang thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần K; quyền sở hữu nhà ở gắn liền sử dụng đất số CH05485 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phát L, bà Lê Thị H1. Do vậy, Tòa án đưa ông L, bà H1, Ngân hàng thương mại cổ phần K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, các đương sự không đề nghị đưa ai vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc như sau:

+ Hội đồng xét xử nhận thấy, các đương sự hoàn toàn tự nguyện xác lập các hợp đồng mua bán hàng hóa và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung, hình thức được quy định tại Điều 116, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24 Luật thương mại. Việc bị đơn và nguyên đơn ký hợp đồng mua bán hàng hóa là có thật và hợp pháp.

+ Bị đơn ông Liêu Tấn V trong thời hạn chuẩn bị xét xử, thừa nhận và thống nhất còn nợ nguyên đơn Công ty cổ phần H số tiền là 3.983.377.022đ. Tuy nhiên, bị đơn đề nghị nguyên đơn trừ số hàng hóa còn gửi tại kho của nguyên đơn, trừ khoản tiền mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn công ty cổ phần H yêu cầu bị đơn ông V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huệ S cùng có trách nhiệm trả nợ gốc 3.852.648.607đ (sau khi đã trừ số tiền bị đơn đã trả, trừ số tiền xuất bán hàng hóa của bị đơn còn gửi tại kho, tổng là 130.728.415đ) xuất phát từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 1AGG000044-2014. Bị đơn nhận đủ hàng hóa theo hợp đồng mua bán nhưng chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo thỏa thuận. Căn cứ Điều 55 Luật thương mại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty cổ phần H đối với tiền nợ gốc là 3.852.648.607đ.

+ Đối với tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ hợp đồng mua bán, nguyên đơn chỉ tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày chốt công nợ vào ngày 13/01/2017 đến ngày 17/10/2018 là 642 ngày, mức lãi suất là 0,035%/ngày trên số nợ gốc là 3.852.648.607 đồng. Như vậy tiền lãi là 865.690.142 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn tự nguyện giảm thời gian tính lãi, tính mức lãi suất 0,035%/ngày là có lợi cho nguyên đơn nên không áp dụng mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng. Theo hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, còn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận, do vậy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 18/10/2018 trên số tiền chậm thanh toán, với mức lãi suất 0,035%/ngày. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 4 của Hợp đồng (được điều chỉnh tại Điều 2 của Phụ lục Hợp đồng mua bán số 1AGG000044-

2016 ngày 01/10/2015 thể hiện rõ việc thỏa thuận chịu lãi nếu chậm thanh toán; bị đơn không có ý kiến, không tranh chấp về lãi). Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 306 của Luật thương mại 2005, chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 18/10/2018 do chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

+ Về yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới trả nợ chung của của vợ chồng (gồm nợ gốc, nợ lãi) của nguyên đơn đối với ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị Huệ S: Hội đồng xét xử xét thấy, ông V thừa nhận việc kinh doanh mua bán để phát triển kinh tế gia đình, phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, kinh doanh thuộc loại hình hộ kinh doanh cá thể, bà Huệ S cũng ký tên vào hóa đơn mua hàng nên biết hoạt động kinh doanh của ông V, mặc dù ông V là người đại diện và trực tiếp kinh doanh. Do vậy, làm phát sinh trách nhiệm liên đới của vợ chồng trong quan hệ kinh doanh theo quy định tại Điều 25, Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số : 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 3 năm 2017, bằng biện pháp phong tài sản của ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị Huệ S, gồm :

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : CH05485, tờ bản đồ số 19, thửa số 46 diện tích 120,0m², nhà ở 33,0m², diện tích sàn 66,0m² tọa lạc tại xã Mỹ Phú, huyện X, tỉnh An Giang do ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của ông V và bà Huệ S. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn trình bày tài sản là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : CH05485 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phát Lập và bà Lê Thị H1 vào ngày 01/3/2017 là cùng thời điểm với việc Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Mặc dù, hợp chuyển nhượng giữa ông V, bà S với ông L, bà H1 đã được công chứng nhưng chưa đăng ký nên chưa làm phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tài sản là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : CH05485, tờ bản đồ số 19, thửa số 46 diện tích 120,0m², nhà ở 33,0m², diện tích sàn 66,0m² tọa lạc tại xã Mỹ Phú, huyện X, tỉnh An Giang do ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên vẫn còn hiệu lực để bảo đảm thi hành án. Ông L, bà H1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. ông L và bà H1 có quyền khởi kiện tranh chấp bằng vụ án khác theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : CH02860, tờ bản đồ số 13, thửa số 189 diện tích 48,4m² đất ở tại nông thôn, nhà ở 47,1m², diện tích sàn 141,3m² tọa lạc tại xã Mỹ Phú, huyện X, tỉnh An Giang do ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên. Đây là tài sản hợp pháp của ông V, bà S, không thực hiện giao dịch nào khác. Do vậy, biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tài sản là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số đối với tài sản này vẫn tiếp tục có hiệu lực để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với Quyền sử dụng đất số : CH03315, tờ bản đồ số 04, thửa 1034 diện tích 9946,0m² đất trồng lúa, tọa lạc tại xã O, huyện X, tỉnh An Giang, do ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên. Tài sản này đã thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần K để đảm bảo cho khoản vay tín dụng theo các hợp đồng số: ANG.CN.02.050615; CHD.CN.459.160361; CHD.CN.579.160316; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: CHD.BĐCN.325.160316. Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đang có hiệu lực, hợp đồng thế chấp đã thực hiện trước thời điểm Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngân hàng thương mại cổ phần K không có yêu cầu độc lập trong vụ án, nhưng đã khởi kiện Liêu Tấn V bằng vụ án án. Hội đồng xét xử

nhận thấy, cần phải hủy bỏ một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Quyền sử dụng đất số : CH03315, tờ bản đồ số 04, thửa 1034 diện tích 9946,0m² đất trồng lúa, tọa lạc tại xã O, huyện X, tỉnh An Giang là phù hợp quy định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Công ty cổ phần H được nhận lại tài sản bảo đảm có giá trị 350.000.000đ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện X đã nộp theo Quyết định số 01/2017/QĐBPBĐ ngày 01/3/2017.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Không.

[2.4] Về ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem xét quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, trách nhiệm liên đới của V và S là có cơ sở chấp nhận, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 56.317.947 đồng đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0013370 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 138; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116; Điều 119; Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Điều 25; Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần H đối với nợ gốc là 130.728.414 đồng;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với nợ gốc là 3.852.648.607đ và nợ lãi phát sinh tính kể từ ngày 13/01/2017 đến hết ngày 17/10/2018 là 865.690.142 đồng.

+ Buộc bị đơn Liêu Tấn V cùng bà Nguyễn Thị Huệ S cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn là Công ty cổ phần H với tổng số tiền là 4.718.338.749 đồng. Bị đơn Liêu Tấn V cùng bà Nguyễn Thị Huệ S chậm thanh toán nợ gốc thì còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chậm thanh toán từ tính từ ngày 18/10/2017 theo hợp đồng mua bán số: 1AGG000044-2016 ngày 01/10/2015, mức lãi suất 0,035%/ngày cho đến khi thanh toán dứt nợ gốc và nợ lãi.

2. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số : 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 3 năm 2017, tiếp tục có hiệu lực đối với các tài sản:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : CH05485, tờ bản đồ số 19, thửa số 46 diện tích 120,0m², nhà ở 33,0m², diện tích sân 66,0m² tọa lạc tại xã Mỹ Phú, huyện X, tỉnh An Giang do ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên, tiếp tục có hiệu lực để bảo đảm thi hành án.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : CH02860, tờ bản đồ số 13, thửa số 189 diện tích 48,4m² đất ở tại nông thôn, nhà ở 47,1m², diện tích sân 141,3m² tọa lạc tại xã Mỹ Phú, huyện X, tỉnh An Giang do ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên, tiếp tục có hiệu lực để bảo đảm thi hành án.

+ Hủy bỏ một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số : 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 3 năm 2017, đối với Quyền sử dụng đất số : CH03315, tờ bản đồ số 04, thửa 1034 diện tích 9946,0m² đất trồng lúa, tọa lạc tại xã O, huyện X, tỉnh An Giang, do ông Liêu Tấn V và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên.

+ Hủy bỏ Quyết định buộc thực biện pháp bảo đảm số 01/2017/QĐ-BPBD ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, nguyên đơn Công ty cổ phần H được nhận lại tài sản bảo đảm có giá trị 350.000.000đ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện X theo giấy nộp tiền có số tài khoản 6708201002690 ngày 21/12/2017.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn ông Liêu Tấn V cùng bà Nguyễn Thị Huệ S phải chịu 112.718.339 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 56.317.947 đồng đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0013463 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND huyện CP;
- THA huyện CP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh